TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/03/2023
V/v: "Ly hôn giữa chị T và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chỉnh

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: Anh Ngô Ngọc H, sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Ngọc H kết hôn lần đầu ngày 22/05/2015 sau đó do mâu thuẫn trầm trọng chị và anh H đã ly hôn tháng 11 năm 2015. Sau đó vợ chồng tôi lại về tiếp tục chung sống cùng nhau và đến ngày 31/01/2018 chị và anh H kết hôn lại, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn lại năm 2018 vợ chồng cũng chỉ chung sống được 1 thời gian ngắn thì lại mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng chị ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ

không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 và Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu Nhi ở cùng với chị, cháu Ly ở cùng với anh H. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi cháu Nhi, anh H nuôi cháu Ly; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2023, bị đơn anh Ngô Ngọc H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn ngày 22/5/2015 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng anh ly thân. Nay chị Bùi Thị T muốn ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 và Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu Nhi ở cùng với chị T, cháu Ly ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh muốn nuôi cháu Ly, chị T nuôi cháu Nhi. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Nhi mỗi tháng 2 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 116,117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi con Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 và anh Ngô Ngọc H tiếp tục nuôi cháu Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nhi cho chị T mỗi tháng 2 triệu đồng.

3. Về án phí DSST: chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/05/2015 sau đó ly hôn; tự nguyện kết hôn lại ngày 31/01/2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị T và anh H chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do 2 vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 đến nay chị T và anh H ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh H nhất trí ly hôn chị T.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Ngô Ngọc H.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H có 02 con chung là Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 và Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu Nhi ở cùng với chị T, cháu Ly ở cùng với anh H. Cháu Nhi có đơn đề nghị được tiếp tục ở cùng với chị T. Xét thấy điều kiện hoàn cảnh, lời trình bày của đương sự, ý kiến của con chung và kết quả xác minh tại địa phương thì mong muốn của chị T và anh H về nuôi con chung khi ly hôn là hợp lý. Vì vậy nên giao cháu Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Ngọc H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nhi cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi. Anh Ngô Ngọc H, chị Bùi Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn, anh Ngô Ngọc H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T, anh Ngô Ngọc H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82,Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Ngô Ngọc H

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên:* Giao cháu Ngô Ngọc N sinh ngày 17/7/2015 cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Khánh L sinh ngày 26/7/2020 cho anh Ngô Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Ngọc H về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nhi cho chị T mỗi tháng 2 triệu đồng kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi. Anh Ngô Ngọc H, chị Bùi Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 00004868 ngày 01/02/2023. Anh Ngô Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4.*Về quyền kháng cáo:* Chị Bùi Thị T, anh Ngô Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP